TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 397/2023/DS-PT
Ngày: 18/9/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Bà Nguyễn Thị Rẻn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Mai – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Lê Thị Ngọc Phấn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 192/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2023/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2459/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị P, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số 220/4 ấp H, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 251 ấp H, xã A, huyện N, tỉnh Bến Tre. *(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*

2. Bị đơn:

2.1. Ông Đào Hữu T, sinh năm 1984; *(có mặt)*

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2.2. Bà Trần Võ Nhật A, sinh năm 1984; *(có mặt)*

Địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông T*: Ông Nguyễn Thế Cao T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 274/52/7 L, phường A, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. *(có mặt)*

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T*: Ông Vũ Thành T - Văn phòng Luật sư Cao Minh L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. *(có mặt)*

* ***Người kháng cáo*:** Ông Đào Hữu T, bà Trần Võ Nhật A là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện, đơn xin xét xử vắng mặt, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh Khôi trình bày:*

Ngày 20/10/2021, ông Đào Hữu T và vợ là bà Trần Võ Nhật A có vay của bà Võ Thị P số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả vào ngày 20/12/2021. Ông T đại diện ký tên vào biên nhận vay ngày 20/10/2021. Từ ngày vay cho đến nay, ông T và bà A không đóng lãi và đến hạn cũng không hoàn trả lại số tiền nợ gốc cho bà P. Sau nhiều lần yêu cầu ông T và bà A trả nợ nhưng ông T và bà A vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà P.

Bà Võ Thị P yêu cầu Tòa án buộc ông Đào Hữu T và bà Trần Võ Nhật A có nghĩa vụ liên đới trả nợ gốc là 2.000.000.000 đồng và số tiền nợ lãi đối với số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 20/10/2021 đến khi giải quyết xong vụ án.

Như vậy, tổng cộng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi mà bà P yêu cầu ông T và bà A phải liên đới trả cho bà P với số tiền được tính là 2.310.000.000 đồng (Trong đó nợ gốc là 2.000.000.000 đồng; tiền nợ lãi của 18 tháng 18 ngày là 310.000.000 đồng).

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Biên nhận nợ ngày 20/10/2021.

** Tại biên bản trình bày ý kiến ngày 01/8/2022 của bà Lưu Phúc N, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đào Hữu T là ông Nguyễn Thế Cao T trình bày:*

Đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị P thì ông T hoàn toàn không đồng ý nên có ý kiến trình bày như sau: Vào ngày 11-12/3/2021, ông T có vay của ông Đặng Văn T1 (*Người làm chứng trong biên nhận vay tiền giữa ông T1 và bà P)* số tiền là 3.761.000.000 đồng. Trong suốt quá trình vay tiền, ông T1 từng nhiều lần cầm giữ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông T và bà A, trong đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA978232 và CA978233 được ông T đưa cho ông T1 vào cuối tháng 6/2021 để đảm bảo cho khoản vay.

Ngày 20/10/2021, do ông T có nhu cầu cần sử dụng hai giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất nêu trên nên đã yêu cầu ông T1 trả lại. Tuy nhiên, ông T1 không đồng ý và nói rằng đã

thế chấp hai giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đó cho bà Võ Thị P với mục đích là vay 2.000.000.000 đồng để cho ông T vay lại. Ông T1 bắt buộc ông T nếu muốn lấy lại hai giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất nêu trên thì phải viết biên nhận vay tiền, số tiền vay là 2.000.000.000 đồng cho bà P. Vì cần sử dụng gấp hai giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất nêu trên cho công việc của mình nên ông T đã tin tưởng và đồng ý viết biên nhận vay tiền. Đó chính là lý do có giấy biên nhận vay tiền ngày 20/10/2021 được ông T và bà P ký kết, trong đó có ông T1 là người làm chứng.

Ông Thông khẳng định ông T và bà A (là vợ ông T) không vay bất cứ số tiền nào từ bà P. Biên nhận ngày 20/10/2021 chỉ là điều kiện bắt buộc của ông T1 khi ông T muốn lấy lại tài sản thế chấp của ông T, kể từ ngày ký biên nhận đến nay ông T chưa từng nhận bất cứ số tiền nào từ bà P và bà P chưa thông báo cho ông T, bà A về việc trả nợ nên chưa phát sinh nghĩa vụ trả nợ. Phía bị đơn thì vẫn thừa nhận Tòa án đã có gửi thông báo thụ lý cho bị đơn về việc nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn.

Tại phiên tòa, ông Thông xác định do ông T không có vay tiền của bà P nên ông T không chấp nhận trả số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị P với số tiền 2.310.000.000 đồng, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn Trần Võ Nhật A vắng mặt tại phiên tòa nhưng không nêu ý kiến về việc nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện P đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị P. Buộc ông Đào Hữu T và bà Võ Trần Nhật A có trách nhiệm liên đới trả cho bà Võ Thị P số tiền nợ gốc và tiền lãi 2.310.000.000 đồng (Trong đó nợ gốc là 2.000.000.000 đồng; tiền lãi là 310.000.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Ngày 11/5/2023, bị đơn ông Đào Hữu T, bà Võ Trần Nhật A có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông Đào Hữu T) là ông Nguyễn Thế Cao T trình bày:*

Ông T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn (ông Đào Hữu T) là ông Vũ Thành T trình bày*:

Biên nhận ngày 20/10/2021 không ghi rõ nhân thân, mục đích vay, lãi suất vay. Thực chất, trước đó ông T có vay của ông T1 số tiền 1.700.000.000 đồng và đã được Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử. Trong quá trình vay tiền của ông T1 thì ông T có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1. Khi ông T có nhu cầu lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T1 đã lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thế chấp cho bà P nên bắt buộc ông T phải lập Biên nhận ngày 20/10/2021. Do thời điểm này, ông T còn nợ ông T1 3.000.000.000 đồng nên tin tưởng viết vào Biên nhận ngày 20/10/2021 số tiền 2.000.000.000 đồng cho ông T1. Ông T không quen bà P, còn bà P chỉ quen ông T1. Sau thời điểm lập Biên nhận ngày 20/10/2021 thì bà P cũng không liên lạc cho ông T đến khi bà P khởi kiện. Do đó, việc giao nhận tiền theo Biên nhận ngày 20/10/2021 là không có xảy ra nên giao dịch này là giả tạo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Bị đơn bà Võ Trần Nhật A trình bày:*

Bà không ký tên vào Biên nhận ngày 20/10/2021 và không biết việc vay tiền giữa ông T1 với bà P, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà về việc không buộc bà có trách nhiệm liên đới cùng ông T1 trả nợ cho bà P.

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Minh Khôi trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đào Hữu T, bà Võ Trần Nhật A, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện P.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đào Hữu T,

chấp nhận kháng cáo của bà Võ Trần Nhật A, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre theo hướng không buộc bà A có trách nhiệm liên đới cùng ông T1 trả nợ cho bà P.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của bị đơn ông Đào Hữu T, bà Võ Trần Nhật A và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà P yêu cầu ông T và bà A phải liên đới trả cho bà P với số tiền được tính 2.310.000.000 đồng (Trong đó nợ gốc là 2.000.000.000 đồng; tiền nợ lãi là 310.000.000 đồng). Ông T cho rằng ông và bà A không có vay tiền của bà P nên không đồng ý trả số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà P với số tiền là 2.310.000.000 đồng.

[2] Xét thấy, căn cứ Biên nhận ngày 20/10/2021 thể hiện ông Đào Hữu T có nhận của bà Võ Thị P số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn từ ngày 20 tháng 10 năm 2021 đến ngày 20 tháng 12 năm 2021 sẽ trả đủ số tiền trên. Biên nhận có chữ ký của người giao bà Võ Thị P, người nhận ông Đào Hữu T và người làm chứng ông Đặng Văn T1. Theo Kết luận giám định số 491/2022/KL-KTHS ngày 24/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công A tỉnh Bến Tre thì chữ ký trong Biên nhận ngày 20/10/2021 là của bà Võ Thị P và ông Đặng Văn T1, đồng thời tại Biên bản đối chất ngày 20/02/2023 thì ông T cũng xác nhận toàn bộ biên nhận do ông điền vào theo nội dung ông Đặng Văn T1 (người làm chứng) hướng dẫn. Ngày 11/8/2022, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai người làm chứng là ông Đặng Văn T1 và ông T1 đã trình bày vào ngày 20/10/2021 (dương lịch) tại nhà của bà Võ Thị P, ông T1 có chứng kiến việc bà P cho ông Đào Hữu T vay tiền, ông T1 có ký tên và ghi họ tên vào mục người làm chứng "Đặng Văn T1" trong giấy có tựa đề "BIÊN NHẬN" ngày 20/10/2021(dl). Ông T1 có chứng kiến việc bà Võ Thị P giao cho ông Đào Hữu T số tiền 2.000.000.000 đồng.

[3] Ông T cho rằng ông không vay bất cứ số tiền nào từ bà P, việc ông ký vào Biên nhận ngày 20/10/2021 chỉ là điều kiện bắt buộc của ông T1 đối với ông khi ông muốn lấy lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, tuy nhiên ông T không có chứng cứ gì để chứng minh ông không nhận tiền từ bà P theo "BIÊN NHẬN" ngày 20/10/2021(dl). Do đó, có cơ sở xác định Biên nhận ngày 20/10/2021 giữa bà P và ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm điều cấm của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông T trả cho bà P số tiền gốc 2.000.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Nguyên đơn yêu cầu bà A có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả nợ. Xét thấy, mặc dù số tiền nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông T và bà A nhưng "BIÊN NHẬN" ngày 20/10/2021(dl) chỉ có một mình ông T ký tên, ông T không thừa nhận có nhận số tiền này của bà P và bà P không có chứng cứ chứng minh bà A có biết việc ông T vay mượn tiền của bà hoặc mục đích vay mượn tiền của ông T là để phục vụ kinh tế chung của ông T, bà A nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà A có nghĩa vụ liên đới cùng ông T trả nợ cho bà P là không có cơ sở.

[5] Theo Biên nhận ngày 20/10/2021 thì ông T thỏa thuận đến ngày 20/12/2021 sẽ trả đủ tiền cho bà P, không thể hiện hai bên có thỏa thuận lãi suất đối với số tiền 2.000.000.000 đồng. Sau ngày 20/12/2021, ông T không trả số tiền này cho bà P là ông T đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận nên phát sinh trAh chấp. Do các bên không thỏa thuận lãi suất nên thời điểm tính lãi suất được tính kể từ thời điểm ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể là kể từ ngày 21/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 16 tháng 17 ngày, mức lãi suất 10%/năm, tổng cộng số tiền lãi là 276.110.000 đồng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi từ ngày 20/10/2021 của nguyên đơn là chưa phù hợp nên cần điều chỉnh đối với thời giA tính lãi và số tiền lãi trên số nợ gốc 2.000.000.000 đồng.

[6] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Đào Hữu T không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đào Hữu T; chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Trần Nhật A, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện P.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đào Hữu T phải chịu án phí phúc thẩm. Kháng cáo của bà Võ Trần Nhật A được chấp nhận nên bà A không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đào Hữu T.

- Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Trần Nhật A.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266, 277, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự

năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị P. Buộc ông Đào Hữu T trả cho bà Võ Thị P số tiền nợ gốc và tiền lãi 2.276.110.000đ (Hai tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu một trăm mười nghìn đồng) (Trong đó nợ gốc là 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 276.110.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quA thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị P về việc buộc bà Võ Trần Nhật A có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên cho bà Võ Thị P.

3. Án phí dân sự:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đào Hữu T phải chịu số tiền là 77.522.000đ (Bảy mươi bảy triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho bà Võ Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.666.666đ (Ba mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004507 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đào Hữu T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005728 ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà Võ Trần Nhật A không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Võ Trần Nhật A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005729 ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAD huyện P (1b);
- Chi cục THADS huyện P (1b);
- Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạt